

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23-4-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Châu Hồng Nga;

Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1213/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh N, sinh năm 1978; thường trú: 71/3, đường ĐT743, khu phố Đ, phường D, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Nhà ở tập thể Công ty cổ phần Gỗ MDF ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Phan Thị Hương T, sinh năm 1983; thường trú: 71/3, đường ĐT743, khu phố Đ, phường D, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- Người làm chứng: Anh Nguyễn Công T1, sinh năm 1989; thường trú: 49 Nguyễn Trường Tộ, khu phố 2, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; tạm trú: T2.19.17 chung cư M. one 35/12 B, phường T, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh N và chị Phan Thị Hương T tự nguyện tìm hiểu khoảng 06 tháng thì tiến đến hôn nhân năm 2006, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D (nay là phường D, thị xã D), tỉnh Bình Dương và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 278/2006, quyển số 03 ngày 13/11/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ 71/3, đường ĐT743, khu phố Đ, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống và cách nuôi dạy con. Chị T không biết cách chăm sóc con, phó mặc cho bà ngoại, không quan tâm tới gia đình bên chồng, không chăm lo cho anh N và nghi ngờ sự chung thủy của anh. Khi vợ chồng cãi nhau chị T đã từng đòi ly hôn và đuổi anh N ra khỏi nhà. Năm 2018 anh N đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị T, vì nghĩ các con còn nhỏ nên anh N đã bỏ qua và rút đơn nhưng vợ chồng vẫn không thể hàn gắn tình cảm để quay về sống chung, vì chị T không sửa đổi. Nay anh N xác định không còn tình cảm với chị T, không thể tiếp tục kéo dài hôn nhân giữa hai người nên yêu cầu được ly hôn với chị Phan Thị Hương T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc Khánh P, sinh ngày 23/10/2007 và Nguyễn Ngọc Khánh V, sinh ngày 20/12/2011, hiện tại đang sống chung với mẹ. Khi ly hôn anh N yêu cầu giao hai người con chung cho chị Phan Thị Hương T được trực tiếp nuôi dưỡng và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi người con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Lời khai của bị đơn - chị Phan Thị Hương T trình bày:

Thống nhất trình bày của nguyên đơn về thời gian tìm hiểu, đăng ký kết hôn, thời gian chung sống; không thống nhất toàn bộ nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Bị đơn xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra một số mâu thuẫn như: Bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, nguyên đơn là người nắm giữ kinh tế của gia đình, mỗi khi có lương chỉ đưa về một phần cho bị đơn, một phần giữ lại gửi về cho cha mẹ ruột nhưng không nói với vợ, vì vậy vợ chồng xảy ra cãi vã. Vào năm 2017 bị đơn còn phát hiện nguyên đơn ngoại tình. Bị đơn đã cố gắng bỏ qua để mong nguyên đơn thay đổi quay về nguyên đơn không sửa đổi. Anh N đã từng nộp đơn yêu cầu ly hôn với chị T và rút đơn lại. Tuy nhiên từ đó đến nay vợ chồng vẫn không hàn gắn tình cảm, quay về sống đoàn tụ hạnh phúc được. Bị đơn cho rằng mình đã làm tròn trách nhiệm của người vợ, người mẹ trong gia đình, nay nguyên đơn vì có người phụ nữ khác mà yêu cầu ly hôn thì bị đơn không đồng ý.

Về con chung: Thống nhất với trình bày của nguyên đơn về việc vợ chồng có hai người con chung, hiện đang sống với mẹ. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì bị đơn đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung và nguyên

đơn cấp dưỡng nuôi mỗi người con 3.000.000 đồng/tháng, thực hiện đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Lời khai người làm chứng – anh Nguyễn Công T1 trình bày:*

Anh T1 là em ruột của nguyên đơn, mặc dù anh không sống với vợ chồng nguyên đơn, tuy nhiên mấy năm trước thỉnh thoảng anh có xuống nhà vợ chồng nguyên đơn chơi thì thấy cuộc sống hôn nhân giữa hai vợ chồng không hạnh phúc. Vào dịp tết năm 2017 tại nhà cha mẹ anh T1 hai vợ chồng anh N đã cãi nhau rất lớn, sau đó anh N đã dọn ra sống riêng tại nhà tập thể của công ty cho đến nay.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người làm chứng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng do có đơn yêu cầu vắng mặt căn cứ Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng quy định. Về nội dung vụ án, xét thấy hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do phát sinh nhiều mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn và yêu cầu giải quyết về con chung là cơ sở chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Người làm chứng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Thanh N và chị Phan Thị Hương T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn D, huyện D (nay là phường D, thị xã D), tỉnh Bình Dương và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 278/2006, quyển số 03 ngày 13/11/2006 nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.1] Xét mâu thuẫn của vợ chồng nguyên đơn thấy rằng: Nguyên đơn xác định quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, kéo dài từ năm 2007 đến nay. Bị đơn thừa nhận vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, do vấn đề kinh tế; mặt khác đến năm 2017 bị đơn phát hiện nguyên đơn có ngoại tình với phụ nữ khác thể hiện qua những hình ảnh lưu lại trên điện thoại của nguyên đơn mà bị đơn đã cung cấp cho Tòa án. Bị đơn đã khuyên nhủ nhiều lần và cố gắng bỏ qua để vợ chồng cùng chung sống chăm lo cho con nhưng nguyên

đơn không sửa đổi. Năm 2018 nguyên đơn đã từng nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn, sau đó rút đơn nhưng từ đó đến nay vợ chồng vẫn không thể hàn gắn tình cảm sống đoàn tụ được. Tại phiên tòa chị T xác định nếu hôn nhân của vợ chồng chị tiếp tục kéo dài vẫn không có hạnh phúc vì nguyên đơn không còn tình cảm với bị đơn và không chịu về sống chung với bị đơn; mặc dù vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay, không còn quan hệ tình cảm với nhau. Tuy nhiên bị đơn vẫn không đồng ý ly hôn với nguyên đơn.

[2.2] Xét mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc, để đạt được mục đích đó vợ chồng phải tôn trọng, thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Mặc dù nguyên đơn và bị đơn không thống nhất toàn bộ nguyên nhân mâu thuẫn nhưng cả hai đều thừa nhận quá trình vợ chồng sống chung có xảy ra mâu thuẫn, chính bị đơn cũng thừa nhận vợ chồng đã cố gắng nói chuyện nhiều lần nhưng vẫn không thể hòa giải được. Nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng nguyên đơn không thể sống hòa hợp, do cả hai biết cảm thông cho nhau ngay cả những chuyện nhỏ nhất xảy ra trong cuộc sống gia đình nên không thể tha thứ, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, làm cho nguyên đơn không còn tình cảm với bị đơn. Do đó việc tiếp tục kéo dài hôn nhân của vợ chồng nguyên đơn thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Vợ chồng nguyên đơn có hai người con chung tên Nguyễn Ngọc Khánh P, sinh ngày 23/10/2007 và Nguyễn Ngọc Khánh V, sinh ngày 20/12/2011. Nguyên đơn yêu cầu giao hai người con cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng; đồng thời nguyên đơn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con 3.000.000 đồng/tháng. Yêu cầu của nguyên đơn được bị đơn thống nhất. Xét về điều kiện chỗ ở và khả năng chăm sóc con chung của nguyên đơn và bị đơn thấy rằng: Bị đơn có nhiều thời gian chăm sóc, đưa rước con đi học; còn nguyên đơn làm bên lĩnh vực cơ khí, đang được điều động làm việc tại chi nhánh của công ty thuộc tỉnh Bình Phước và ở nhà tập thể của công ty nên không thuận tiện chăm sóc các con. Hiện tại các con chung đang sống với bị đơn và được chăm sóc tốt. Do đó để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chung cần giao cháu Nguyễn Ngọc Khánh P và Nguyễn Ngọc Khánh V cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 80 và 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc cấp dưỡng nuôi mỗi người con 3.000.000 đồng/tháng.

[2.4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[2.5] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương.

[2.6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh N.

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh N được ly hôn với chị Phan Thị Hương T (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 278/2006, quyển số 03 do UBND thị trấn D, huyện D (nay là phường D, thị xã D), tỉnh Bình Dương cấp ngày 13/11/2006).

Về con chung: Anh Nguyễn Thanh N giao hai người con chung tên Nguyễn Ngọc Khánh P, sinh ngày 23/10/2007 và Nguyễn Ngọc Khánh V, sinh ngày 20/12/2011 cho chị Phan Thị Hương T tiếp tục nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Thanh N về việc cấp dưỡng nuôi hai người con chung, mỗi người con 3.000.000 đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau ly hôn, anh Nguyễn Thanh N và chị Phan Thị Hương T có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh Nguyễn Thanh N lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị Phan Thị Hương T nuôi con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh N theo quy định của pháp luật. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ghi nhận ý kiến của anh Nguyễn Thanh N và chị Phan Thị Hương T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh N phải chịu 600.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con; được khấu trừ 300.000đ đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0027752 ngày

05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Bình Dương. Anh Nguyễn Thanh N phải nộp thêm 300.000 đồng tiền án phí.

3. Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND thị xã D (1);
- Chi cục THADS thị xã D (1);
- UBND phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Nga